

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công cuối năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn
2021 - 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư
công năm 2021;
Xét Tờ trình số 140/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 97/BC-HĐND-KTNS ngày 24 tháng 11 năm 2021
của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công cuối năm 2021 với các nội dung như sau:

I. Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2021 là 5.512 tỷ 255 triệu đồng, giảm 1.446 tỷ 500 triệu đồng so với kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước, cụ thể:

1. Tiền sử dụng đất khôi tỉnh giảm: 1.400 tỷ đồng.
2. Nguồn thu xổ số kiến thiết giảm: 100 tỷ đồng.
3. Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương tăng: 53 tỷ 500 triệu đồng.

(Kèm theo Biểu tổng hợp)



II. Phương án phân bổ:**1. Nguồn ngân sách trung ương:**

Bao gồm:

1.1. Vốn trong nước (Kèm theo Biểu số 1):

Trong đó dự án chuyển tiếp:

1.2. Vốn nước ngoài (Kèm theo Biểu số 2):

2. Vốn ngân sách địa phương:

Bao gồm:

2.1. Vốn xây dựng cơ bản tập trung:

Trong đó:

- Phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố:

- Vốn thực hiện dự án:

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới:

2.2. Vốn đầu tư từ nguồn sử dụng đất:

Trong đó:

- Vốn phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố:

- Vốn thực hiện dự án:

Bao gồm:

+ Dự án chuyển tiếp:

+ Dự án khởi công mới:

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới:

- Vốn chuẩn bị đầu tư:

2.3. Vốn đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết:

Trong đó:

- Vốn phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố (hỗ trợ
có mục tiêu xây dựng 110 phòng học):

- Vốn thực hiện dự án:

Bao gồm:

+ Dự án chuyển tiếp:

+ Dự án khởi công mới:

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới:- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững:

5.512 tỷ 255 triệu đồng.

1.100 tỷ 647 triệu đồng.

900 tỷ 647 triệu đồng.

900 tỷ 647 triệu đồng.

200 tỷ đồng.

4.411 tỷ 608 triệu đồng.

495 tỷ 861 triệu đồng.

286 tỷ 200 triệu đồng.

41 tỷ 640 triệu đồng.

168 tỷ 021 triệu đồng.

3.041 tỷ 832 triệu đồng.

1.127 tỷ 426 triệu đồng.

1.786 tỷ 067 triệu đồng.

761 tỷ 649 triệu đồng.

1.024 tỷ 418 triệu đồng.

107 tỷ 900 triệu đồng.

20 tỷ 439 triệu đồng.

760 tỷ 415 triệu đồng.

77 tỷ đồng.

372 tỷ 715 triệu đồng.

158 tỷ 418 triệu đồng.

214 tỷ 297 triệu đồng.

210 tỷ 079 triệu đồng.

80 tỷ đồng.



- Vốn chuẩn bị đầu tư: 20 tỷ 621 triệu đồng.
- 2.4. Vốn hỗ trợ của thành phố Hồ Chí Minh: 20 tỷ đồng.
- 2.5. Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 93 tỷ 500 triệu đồng.

Riêng nguồn thu xổ số kiến thiết bố trí cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và y tế là 414 tỷ 200 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 54,5%; bố trí cho xây dựng nông thôn mới là 210 tỷ 079 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 27,6% đảm bảo không thấp hơn quy định của trung ương.

(Kèm theo Biểu số 3, phụ lục 3.1; 3.2; 3.3; 3.4; 3.5)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2021.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH và ĐT;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *Phuon*



Huỳnh Thị Hằng





BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CUỐI NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch điều chỉnh vốn giữa năm 2021			Kế hoạch điều chỉnh vốn cuối năm 2021			Tăng	Giảm
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		
	TỔNG SỐ	6.958.755	6.718.755	240.000	5.512.255	5.218.755	293.500	53.500	1.500.000
I	Vốn ngân sách trung ương	1.100.647	900.647	200.000	1.100.647	900.647	200.000	-	-
1	Vốn trong nước	900.647	900.647		900.647	900.647			
	Trong đó								
	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	300.000	300.000		300.000	300.000			
	Thu hồi các khoản ứng trước	30.434	30.434		30.434	30.434			
2	Vốn nước ngoài	200.000		200.000	200.000		200.000		
II	Vốn ngân sách địa phương	5.858.108	5.818.108	40.000	4.411.608	4.318.108	93.500	53.500	1.500.000
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	495.861	495.861		495.861	495.861		-	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	4.441.832	4.441.832		3.041.832	3.041.832			1.400.000
	Khối tỉnh	3.314.406	3.314.406		1.914.406	1.914.406			1.400.000
	Khối huyện, thị, thành phố	1.127.426	1.127.426		1.127.426	1.127.426			-
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	860.415	860.415		760.415	760.415			100.000
4	Vốn hỗ trợ của thành phố Hồ Chí Minh	20000	20.000		20.000	20.000			
5	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	40.000		40.000	93.500		93.500	53.500	

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CUỐI NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14 tháng 1 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Biểu số 1

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2021			Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2021			Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
						Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước		Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ		4.364.998	4.140.289	900.647	870.213	30.434	900.647	870.213	30.434	
I	Giao thông - vận tải và hạ tầng đô thị		2.220.000	2.121.800	630.647	630.647	-	686.647	686.647	-	
1	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	2178/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	220.000	171.800	150.000	150.000		100.000	100.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Đường phía Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư tỉnh Bình Phước	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.450.000	1.450.000	355.647	355.647		355.647	355.647		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	400.000	115.000	115.000		221.000	221.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực trồng cỏ Bù Lạch (thuộc tour du lịch nối với Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng Sok Bom Bo) xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	2403/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 988/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	100.000	100.000	10.000	10.000		10.000	10.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
II	Nông nghiệp, thủy lợi		245.000	235.000	141.876	141.876	-	111.876	111.876	-	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh	2198/QĐ-UBND ngày 21/8/2016; 989/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	110.000	100.000	41.876	41.876		41.876	41.876		Ban QLDA ĐTXD tỉnh

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2021			Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2021			Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước		Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước	
2	Xử lý cấp bách dự án thoát lũ suối Đá, thành phố Đồng Xoài	161a/QĐ-UBND ngày 21/7/202011/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	135.000	135.000	100.000	100.000		70000	70000		UBND TP Đồng Xoài
III	Công nghiệp		676.725	575.216	34.000	34.000	-	8.000	8.000	-	
1	Cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	575.216	34.000	34.000		8000	8000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
IV	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT		110.000	110.000	63.690	63.690	-	63.690	63.690	-	
1	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	1246/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	110.000	110.000	63.690	63.690		63690	63690		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
V	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		117.130	117.130	30.434	-	30.434	30.434	-	30.434	
1	Khu công nghiệp Chơn Thành (giai đoạn 1)	736/QĐ-UBND ngày 10/4/2008	70.000	70.000	3.712		3.712	3.712		3.712	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Dự án đầu tư sản xuất giống cây ca cao và cao su giai đoạn 2007-2010	2694/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	9.130	9.130	2.722		2.722	2.722		2.722	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước M26	2710/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	10.000	10.000	6.000		6.000	4.966		4.966	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Phú Sơn	2947/QĐ-UBND ngày 16/11/2016	12.000	12.000	2.000		2.000	3.626		3.626	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thọ Sơn	2658/QĐ-UBND ngày 25/10/2016	8.000	8.000	8.000		8.000	7.408		7.408	Ban QLDA ĐTXD tỉnh



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2021			Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2021			Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước		Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước	
6	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Sa Cát	2658/QĐ- UBND ngày 25/10/2016	8.000	8.000	8.000		8.000	8.000		8.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh





Biểu số 2

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) CUỐI NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Số quyết định	Quyết định đầu tư							Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2021 (nguồn cấp phát từ NSTW)	Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2021 (nguồn cấp phát từ NSTW)	Chủ đầu tư
			TMĐT										
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
Tổng số	Trong đó:												
					Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại							
	TỔNG SỐ		495.558	43.627	43.627	20.338	451.931	316.351	135.580	268.925	200.000	200.000	
	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	495.558	43.627	43.627	20.338	451.931	316.351	135.580	268.925	200.000	200.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh



Biểu số 3

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CUỐI NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2021						Kế hoạch điều chỉnh vốn cuối năm 2021						Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Chi XDCB tập trung	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:						
				Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
	Tổng số	5.858.108	495.861	4.441.832	860.415	20.000	40.000	4.411.608	495.861	3.041.832	760.415	20.000	93.500		
A	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	1.553.626	286.200	1.127.426	140.000	-	-	1.490.626	286.200	1.127.426	77.000	-	-		
1	Thành phố Đồng Xoài	189.680	28.000	161.680				189.680	28.000	161.680					
	Trong đó:	-						-							
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	48.504		48.504				48.504		48.504					
2	Thị xã Bình Long	65.900	23.900	42.000				65.900	23.900	42.000					
	Trong đó:	-						-							
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	12.600		12.600				12.600		12.600					
3	Thị xã Phước Long	116.500	21.500	95.000				116.500	21.500	95.000					
	Trong đó:	-						-							
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	28.500		28.500				28.500		28.500					
4	Huyện Đồng Phú	118.000	30.000	88.000				118.000	30.000	88.000					
	Trong đó:	-						-							
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	26.400		26.400				26.400		26.400					
5	Huyện Bù Đăng	172.000	30.000	72.000	70.000			137.000	30.000	72.000	35.000				
	Trong đó:	-						-							
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	21.600		21.600				21.600		21.600					
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 50 phòng học)	70.000			70.000			35.000			35.000				
6	Huyện Bù Gia Mập	102.500	24.500	36.000	42.000			81.500	24.500	36.000	21.000				
	Trong đó:	-						-							
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	10.800		10.800				10.800		10.800					
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	42.000			42.000			21.000			21.000				
7	Huyện Chơn Thành	206.446	25.700	180.746				206.446	25.700	180.746					
	Trong đó:	-						-							
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	54.224		54.224				54.224		54.224					
8	Huyện Hớn Quản	106.600	24.600	82.000				106.600	24.600	82.000					
	Trong đó:	-						-							
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	24.600		24.600				24.600		24.600					
9	Huyện Lộc Ninh	222.400	32.400	190.000				222.400	32.400	190.000					
	Trong đó:	-						-							
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	57.000		57.000				57.000		57.000					
10	Huyện Bù Đốp	84.300	22.300	34.000	28.000			77.300	22.300	34.000	21.000				
	Trong đó:	-						-							
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	10.200		10.200				10.200		10.200					
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	28.000			28.000			21.000			21.000				
11	Huyện Phú Riềng	169.300	23.300	146.000				169.300	23.300	146.000					
	Trong đó:	-						-							



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2021						Kế hoạch điều chỉnh vốn cuối năm 2021						Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:						
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	43.800		43.800				43.800		43.800					
B	Vốn thực hiện dự án	3.659.618	41.640	2.837.563	720.415	20.000	40.000	2.313.922	41.640	1.786.067	372.715	20.000	93.500		
B1	Dự án chuyển tiếp	1.591.963	0	1.374.548	177.415	0	40.000	1.013.567	0	761.649	158.418	0	93.500		
I	Đối ứng dự án PPP	163.500	-	163.500	-	-	-	74.400	-	74.400	-	-	-		
1	Hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và khu dân cư Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài	163.500		163.500				74.400		74.400				Sở Xây dựng	
II	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị	889.700	-	849.700	-	-	40.000	670.100	-	576.600	-	-	93.500		
1	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	65.000		65.000				30.600		30.600				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B kết nối đường Đồng Phú - Bình Dương	85.000		85.000				26.300		26.300				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
3	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	120.300		120.300				73.600		73.600				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mè đến QL14C	27.800		27.800				15.800		15.800				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
5	Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	22.000		22.000				22.000		22.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
6	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	120.000		120.000				82.000		82.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
7	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	38.800		38.800				16.300		16.300				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
8	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	50.000		10.000			40.000	103.500		10.000			93.500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tính vay lại TW vốn ADB của dự án Minh Lập - Lộc Hiệp
9	Kè và hệ thống đường giao thông dọc hai bên suối Đồng Tiến - suối Tầm Vòng TX Đồng Xoài	25.000		25.000				25.000		25.000				UBND TP Đồng Xoài	
10	Hỗ trợ thành phố Đồng Xoài GPMB dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	100.000		100.000				100.000		100.000				UBND TP Đồng Xoài	
11	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long	8.100		8.100				6.800		6.800				UBND thị xã Bình Long	
12	Các tuyến đường trục xuyên tâm để hình thành các phường huyện Chơn Thành	37.700		37.700				37.700		37.700				UBND huyện Chơn Thành	
13	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	80.000		80.000				42.600		42.600				UBND huyện Lộc Ninh	
14	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	40.000		40.000				37.900		37.900				UBND huyện Bù Đốp	
15	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	70.000		70.000				50.000		50.000				UBND huyện Phú Riềng	
III	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT	57.500	-	57.500	-	-	-	15.900	-	15.900	-	-	-		
1	Đường trục chính từ QL13 vào khu công nghiệp Tân khai II, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	15.000		15.000				15.000		15.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào Becamex Bình Phước	11.700		11.700				100		100				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
3	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	30.800		30.800				800		800				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
IV	Y tế	68.500	-	-	68.500	-	-	44.200	-	-	44.200	-	-		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2021						Kế hoạch điều chỉnh vốn cuối năm 2021						Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:						
			Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
1	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	48.500			48.500			28.200			28.200			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	xây dựng cầu nối và sân vườn bệnh viện đa khoa tỉnh	20.000			20.000			16.000			16.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
V	Giáo dục - Đào tạo	106.500	-	-	106.500	-	-	85.500	-	-	85.500	-	-		
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	60.000			60.000			60.000			60.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	46.500			46.500			25.500			25.500			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
VI	Quốc phòng - An ninh	50.100	-	50.100	-	-	-	33.930	-	33.930	-	-	-		
1	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Bệnh xá K23 BCH Quân sự tỉnh	10.100		10.100				9.000		9.000				Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	
2	Xây dựng, nâng cấp Trường Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	10.000		10.000				9.730		9.730				Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	
3	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	20.000		20.000				12.000		12.000				Công an tỉnh	
4	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	10.000		10.000				3.200		3.200				Công an tỉnh	
VII	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án BOT đường Đồng Phú Bình Dương	160.000		160.000				-						Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước	
VIII	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch	31.633		31.633	-			26.303			26.303			Sở KHĐT	
IX	Vốn tài toán các công trình đã quyết toán	64.530		62.115	2.415			63.234		60.819	2.415				Chi tiết tại PL 3.1
B2	Dự án khởi công mới	2.067.655	41.640	1.463.015	543.000	20.000	-	1.300.355	41.640	1.024.418	214.297	20.000	-		
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị	1.228.895	41.640	1.128.255	39.000	20.000	-	873.095	41.640	811.455	-	20.000	-		
1	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	84.000		84.000				84.000		84.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Xây dựng đường Đồng Hữu - Bàu Năm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Năm)	63.000		63.000				34.000		34.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
3	Xây dựng cầu dân sinh	80.000	41.640	38.360				75.000	41.640	33.360				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Xây dựng đường Đồng Xoài - Tân Lập (vành đai phía Tây hồ suối Giai)	40.000		40.000				21.700		21.700				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
5	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	65.000		65.000				50.200		50.200				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
6	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	19.000		19.000				1.000		1.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
7	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	50.000		50.000				45.000		45.000				UBND TP Đồng Xoài	
8	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Đỏ đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đồng)	27.000		27.000				15.000		15.000				UBND TP Đồng Xoài	
9	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	20.000		20.000				-						UBND TP Đồng Xoài	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2021						Kế hoạch điều chỉnh vốn cuối năm 2021						Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:						
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
10	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	39.000		39.000				39.000		39.000				UBND TX Phước Long	
11	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	45.000		45.000				40.000		40.000				UBND TX Phước Long	
12	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	33.000		33.000				24.300		24.300				UBND TX Bình Long	
13	Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	895		895				895		895				UBND huyện Chơn Thành	
14	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào Cụm công nghiệp và Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	72.000		72.000				36.000		36.000				UBND huyện Chơn Thành	
15	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	100.000		100.000				100.000		100.000				UBND huyện Đồng Phú	
16	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	40.000		40.000				5.000		5.000				UBND huyện Đồng Phú	
17	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	50.000		50.000				10.000		10.000				UBND huyện Đồng Phú	
18	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	36.000		36.000				6.000		6.000				UBND huyện Đồng Phú	
19	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	25.000		25.000				25.000		25.000				UBND huyện Hớn Quản	
20	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	30.000		30.000				15.000		15.000				UBND huyện Hớn Quản	
21	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan huyện Hớn Quản	20.000		20.000				10.000		10.000				UBND huyện Hớn Quản	
22	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	30.000		30.000				30.000		30.000				UBND huyện Bù Đăng	
23	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	20.000		20.000				3.000		3.000				UBND huyện Bù Đăng	
24	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	20.000		20.000				3.000		3.000				UBND huyện Bù Đăng	
25	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riú đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	60.000		60.000				60.000		60.000				UBND huyện Lộc Ninh	
26	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đăk O (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	20.000				20.000		20.000				20.000		UBND huyện Bù Gia Mập	
27	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện	39.000		25.000	14.000			39.000		39.000				UBND huyện Bù Gia Mập	
28	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng	36.000		36.000				26.000		26.000				UBND huyện Bù Đốp	
29	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	25.000		25.000				25.000		25.000				UBND huyện Phú Riềng	
30	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	25.000			25.000			25.000		25.000				UBND huyện Phú Riềng	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2021						Kế hoạch điều chỉnh vốn cuối năm 2021						Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:						
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		
31	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	15.000		15.000				5.000		5.000				UBND huyện Phú Riềng	
II	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT	117.760	-	91.760	26.000	-	-	61.960	-	55.163	6.797	-	-		
1	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	30.000		30.000				14.400		14.400				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	30.000		30.000				21.000		21.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
3	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	38.500		12.500	26.000			26.300		19.503	6.797			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	19.260		19.260				260		260				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
III	Nông nghiệp, Thủy lợi	61.000	-	61.000	-	-	-	39.000	-	39.000	-	-	-		
1	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	27.000		27.000				22.000		22.000				UBND huyện Hớn Quản	
2	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện Cánh Đơn cho cánh đồng Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	27.000		27.000				10.000		10.000				UBND huyện Bù Đốp	
3	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã	7.000		7.000				7.000		7.000				Liên minh HTX tỉnh	
IV	Giáo dục - Đào tạo	510.000	-	32.000	478.000	-	-	207.500	-	-	207.500	-	-		
1	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT chuyên Quang Trung	13.500			13.500			13.500			13.500			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Xây dựng nhà đa năng và hạ tầng Trường trung học phổ thông Nguyễn Khuyến	9.000			9.000			9.000			9.000			UBND huyện Phú Riềng	
3	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm	9.000			9.000			9.000			9.000			UBND huyện Chơn Thành	
4	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	27.000			27.000			12.000			12.000			UBND huyện Bù Đốp	
5	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	13.500			13.500			6.000			6.000			UBND huyện Bù Đăng	
6	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng THPT Lộc Hiệp	13.500			13.500			6.000			6.000			UBND huyện Lộc Ninh	
7	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	13.500			13.500			6.000			6.000			UBND huyện Bù Đăng	
8	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	30.000			30.000			20.000			20.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
9	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	36.000			36.000			-						Sở Giáo dục và Đào tạo	
10	Xây dựng trường THPT Bình Long	40.000			40.000			35.000			35.000			UBND TX Bình Long	
11	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	20.000			20.000			20.000			20.000			UBND huyện Bù Đăng	
12	Trường mẫu giáo Sơn Ca, xã Thống nhất, huyện Bù Đăng	18.000			18.000			11.000			11.000			UBND huyện Bù Đăng	
13	Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	25.000			25.000			25.000			25.000			UBND huyện Lộc Ninh	
14	GPMB xây dựng trung tâm giáo dục, đổi mới sáng tạo tỉnh	200.000		32.000	168.000			-						Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
15	Xây dựng trường tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	15.000			15.000			8.000			8.000			UBND huyện Bù Gia Mập	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2021						Kế hoạch điều chỉnh vốn cuối năm 2021						Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:						
			Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		
16	Xây dựng trường mầm non Hưng Phước	27.000			27.000			27.000			27.000			UBND huyện Bù Đốp	
V	Văn hóa xã hội	121.000	-	121.000	-	-	-	89.800	-	89.800	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
1	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	75.000		75.000				63.800		63.800				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	16.000		16.000				16.000		16.000				UBND huyện Bù Gia Mập	
3	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng khống chế truyền dẫn	15.000		15.000				5.000		5.000				Đài PTTH và Báo Bình Phước	
4	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	15.000		15.000				5.000		5.000				Đài PTTH và Báo Bình Phước	
VI	Quốc phòng - An ninh	29.000	-	29.000	-	-	-	29.000	-	29.000	-	-	-		
1	GPMB trường bắn Bù Đăng và xây dựng 02 nhà kho cất chứa mìn công binh	29.000		29.000				29.000		29.000				Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	
C	Chương trình MTQG nông thôn mới	486.000	168.021	317.979				486.000	168.021	107.900	210.079				Chi tiết tại P.L 3.2
D	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	80.000		80.000				80.000			80.000				Chi tiết tại P.L 3.3
E	Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	58.864		58.864				41.060		20.439	20.621				Chi tiết tại P.L 3.4
F	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp	20.000		20.000				-	-	-	-	-	-		

Phụ lục 3.1

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CUỐI NĂM 2021 TẮT TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng số		64.530	63.234		
1	Nâng cấp, mở rộng đường Lộc tấn - Bù Đốp đoạn từ ngã ba Lộc tấn đến xã Lộc Hiệp dài 8km	1272/QĐ-UBND ngày 13/6/2018	19.998	19.998	Sở GTVT	Không vượt tổng mức đầu tư
2	Nâng cấp, mở rộng đường Lộc tấn - Bù Đốp đoạn từ xã Lộc Hiệp đến xã Tân Tiến huyện Bù Đốp dài 8km	2674/QĐ-UBND ngày 22/11/2018	16.040	16.040	Sở GTVT	Không vượt tổng mức đầu tư
3	Kênh thoát nước T2 khu vực trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	172/QĐ-STC ngày 31/12/2019	223	120	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
4	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực huyện Lộc Ninh	1260/QĐ-UBND ngày 12/6/2020	512	512	Công an tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
5	Cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh, hạng mục Chi phí chuẩn bị và xây dựng tuyến kênh N2	1261/QĐ-UBND ngày 12/6/2020	1.202		BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
6	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài (đoạn từ Trần Phú đến đường Hai Bà Trưng)	1358/QĐ-UBND ngày 22/6/2020	1.181	1.181	UBND thành phố Đồng Xoài	Không vượt tổng mức đầu tư
7	Đường số 7 (đoạn còn lại) và một số tuyến khác thuộc khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ, hạng mục Xây dựng đường và hệ thống thoát nước mưa đường Nguyễn Bình Khiêm, đường 14A, đường số 7 (N2), một đoạn đường Hàm Nghi và đường số 7 (N1) đoạn từ Km0+340 đến cuối tuyến	1359/QĐ-UBND ngày 22/6/2020	1.454	1.454	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
8	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2017	1778/QĐ-UBND ngày 4/8/2020	307	307	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM	Không vượt tổng mức đầu tư
9	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2018	1779/QĐ-UBND ngày 4/8/2020	312	312	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM	Không vượt tổng mức đầu tư
10	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2016-2017	1780/QĐ-UBND ngày 4/8/2020	299	299	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM	Không vượt tổng mức đầu tư
11	Trường Mầm non Tuổi thơ xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành	4247/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	1.814	1.814	UBND huyện Chơn Thành	Không vượt tổng mức đầu tư
12	Nâng cấp Trung tâm Dạy nghề thị xã Phước Long (giai đoạn 1)	3023/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	473	473	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Không vượt tổng mức đầu tư
13	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Dạy nghề huyện Bù Đăng	1124/QĐ-UBND ngày 16/5/2016	23	23	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Không vượt tổng mức đầu tư
14	Trung tâm Dạy nghề huyện Đồng Phú	867/QĐ-UBND ngày 23/4/2018	309	309	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Không vượt tổng mức đầu tư
15	Trung tâm Giáo dục lao động tạo việc làm tỉnh Bình Phước	1722/QĐ-UBND ngày 26/7/2018	286	286	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Không vượt tổng mức đầu tư
16	Trung tâm Dạy nghề huyện Bù Gia Mập	47/QĐ-STC ngày 8/5/2019	107	107	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Không vượt tổng mức đầu tư
17	Xây dựng hàng rào Khu căn cứ Bộ chỉ huy Miền Tả Thiết	2691/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	1.817	1.817	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
18	Xây dựng đường vào Thác Đứng, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng	2787/QĐ-UBND ngày 6/11/2020	3.035	3.035	UBND huyện Bù Đăng	Không vượt tổng mức đầu tư
20	Trường tiểu học Tân Khai A, xã Tân Khai, huyện Hớn Quản	2692/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	1.780	1.780	UBND huyện Hớn Quản	Không vượt tổng mức đầu tư
21	Xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa thị xã Bình Long	3011/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	24	24	Sở Y tế	Không vượt tổng mức đầu tư
22	Xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh	3012/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	21	21	Sở Y tế	Không vượt tổng mức đầu tư

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
23	Xử lý nước thải Bệnh viện đa khoa tỉnh	3013/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	1.044	1.044	Sở Y tế	Không vượt tổng mức đầu tư
24	Xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa thị xã Phước Long	3014/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	23	23	Sở Y tế	Không vượt tổng mức đầu tư
25	Đường giao thông liên xã Long Hà đi Long Bình, huyện Phú Riềng	3245/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	513	513	Hạt kiểm lâm Bù Đốp	Không vượt tổng mức đầu tư
26	Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống thủy lợi M26, xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	352/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	74	74	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
27	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã An Khương, huyện Hớn Quản	353/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	99	99	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
28	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Sa Cát, thị xã Bình Long	354/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	113	113	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
29	Xây dựng đường giao thông xung quanh tượng đài chiến thắng Đồng Xoài (Hạng mục: Xây dựng đường giao thông xung quanh tượng đài chiến thắng Đồng Xoài; Cải tạo sửa chữa Tượng đài chiến thắng Đồng Xoài; Giải tỏa, đền bù)	977/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	96	96	UBND thành phố Đồng Xoài	Không vượt tổng mức đầu tư
30	Đường vào ấp Bưng Sê (đoạn từ quốc lộ 14 đến cầu Thuận Phú), thị xã Đồng Xoài	97/QĐ-UBND ngày 23/8/2019	256	256	UBND thành phố Đồng Xoài	Không vượt tổng mức đầu tư
31	Xây dựng đồn công an Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	147/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	112	112	Công an tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
32	Trường mầm non Tân Phước, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	670/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	3.326	3.326	UBND huyện Đồng Phú	Không vượt tổng mức đầu tư
33	Xây dựng đồn Công an Khu công nghiệp Minh Hưng III, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	695/QĐ-UBND ngày 18/3/2021	114	114	Công an tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
34	Nâng cấp đường liên xã từ Minh Tâm đi An Phú, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	860/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	4.780	4.780	UBND huyện Hớn Quản	Không vượt tổng mức đầu tư
35	Trường mẫu giáo Thanh Lương, thị xã Bình Long	1008/QĐ-UBND ngày 20/4/2021	1.852	1.852	UBND thị xã Bình Long	Không vượt tổng mức đầu tư
36	Cấp nước sinh hoạt tập trung khu trung tâm xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	57/QĐ-STC ngày 10/6/2014	14	14	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
37	Cấp nước sinh hoạt xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	123/QĐ-STC ngày 14/8/2013	83	83	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
38	Nâng cao mực nước hồ NT6 bằng đập cao su đặt trên ngưỡng tràn xã Lũ xã Long Hà	215/QĐ-STC ngày 28/12/2018	2	3	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
39	Sửa chữa mặt đập hồ chứa nước Tân Lợi, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	216/QĐ-STC ngày 28/12/2018	2	3	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
40	Sửa chữa Trạm bơm Đàng Hà, xã Đàng Hà, huyện Bù Đăng	205/QĐ-STC ngày 28/12/2018	4	4	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
41	Sửa chữa hệ thống kênh thuộc Trạm bơm Đàng Hà	211/QĐ-STC ngày 28/12/2018	4	5	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
42	Đường điện khu TĐC 80 ha (Phần phát sinh) - DA Thủy lợi Phước Hòa	282/BC-STC ngày 9/2/2021	178	178	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
43	Đường điện khu TĐC 10 ha (Phần phát sinh) -DA Thủy lợi Phước Hòa	283/BC-STC ngày 9/2/2021	22	22	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
44	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Nha Bích, huyện Chơn Thành	83/QĐ-STC ngày 08/7/2020	48	49	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
45	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Phước Tín, thị xã Bình Long	84/QĐ-STC ngày 08/7/2020	35	35	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
46	Đắp đập dâng (tạm) trên suối Ba Veng	89/QĐ-STC ngày 20/7/2020	70	71	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
47	Sửa chữa các máy bơm ly tâm cũ Trạm bơm Đàng Hà, huyện Bù Đăng	90/QĐ-STC ngày 21/7/2020	9	9	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
48	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bù Môn, huyện Bù Đăng	91/QĐ-STC ngày 21/7/2020	80	81	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
49	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Tân Lập, huyện Đồng Phú	92/QĐ-STC ngày 21/7/2020	37	38	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
50	Nâng cấp tuyến kênh tưới sau đập dâng Tôn Lê Châm, huyện Lộc Ninh	95/QĐ-STC ngày 22/7/2020	10	11	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
51	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh	85/QĐ-STC ngày 08/7/2020	41	41	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
52	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT liên xã Bù Nho - Long Tân, huyện Phú Riềng	142/QĐ-STC ngày 01/10/2020	98	98	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
53	Sửa chữa, nâng cấp trạm cấp nước tập trung Rừng Cẩm, xã Lộc Tân, huyện Lộc Ninh	143/QĐ-STC ngày 01/10/2020	74	75	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
54	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Phú Sơn, huyện Bù Đăng	05/QĐ-STC ngày 19/01/2021	72	73	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
55	Trần xã lũ, kết hợp cầu giao thông nội bộ và cống xả bùn cát tại di tích căn cứ bộ chỉ huy Miền Nam Việt Nam 1072-1975	198/QĐ-STC ngày 29/12/2020	27	27	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư





Phụ lục 3.2
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NTM CUỐI NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu (Km)	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh vốn cuối năm 2021	Ghi chú
	TỔNG SỐ		486.000	486.000	
I	Trả nợ xi măng		150.000	150.000	Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng NTM
II	Hỗ trợ đường giao thông nông thôn	618	120.000	120.000	
1	Huyện Đồng Phú	60	14.937	14.937	
2	Huyện Lộc Ninh	100	16.480	16.480	
3	Huyện Hớn Quản	90	21.648	21.648	
4	Huyện Bù Đăng	135	38.038	38.038	
5	Huyện Phú Riềng	70	12.873	12.873	
6	Huyện Bù Gia Mập	40	11.638	11.638	
7	Huyện Bù Đốp	40	4.386	4.386	
8	Huyện Chơn Thành	25			Chỉ hỗ trợ xi măng theo định mức
9	TP Đồng Xoài	8			
10	Thị xã Phước Long	15			
11	Thị xã Bình Long	35			
III	Hỗ trợ 10 xã về đích nông thôn mới (tiêu chuẩn)		150.000	150.000	
1	Huyện Hớn Quản		30.000	30.000	
	Xã An Phú		15.000	15.000	
	Xã Minh Tâm		15.000	15.000	
2	Huyện Lộc Ninh		30.000	30.000	
	Xã Lộc Khánh		15.000	15.000	
	Xã Lộc Quang		15.000	15.000	
3	Huyện Bù Đốp		15.000	15.000	
	Xã Hưng Phước		15.000	15.000	
4	Huyện Bù Gia Mập		15.000	15.000	
	Xã Phước Minh		15.000	15.000	
5	Huyện Phú Riềng		30.000	30.000	
	Xã Long Bình		15.000	15.000	
	Xã Long Tân		15.000	15.000	
6	Huyện Bù Đăng		30.000	30.000	
	Xã Thống Nhất		15.000	15.000	
	Xã Đường 10		15.000	15.000	
IV	Hỗ trợ xã về đích nông thôn mới (nâng cao)		66.000	66.000	
1	Huyện Đồng Phú		11.000	11.000	
	Xã Tân Lập		5.000	5.000	
	Xã Tân Tiến		6.000	6.000	
2	Huyện Hớn Quản		5.000	5.000	
	Xã Thanh Bình		5.000	5.000	
3	Huyện Bù Đăng		5.000	5.000	
	Xã Minh Hưng		5.000	5.000	
4	Huyện Phú Riềng		11.000	11.000	
	Xã Phú Riềng		5.000	5.000	
	Xã Bù Nho		6.000	6.000	
5	Huyện Bù Gia Mập		5.000	5.000	
	Xã Đa Kía		5.000	5.000	
6	Huyện Chơn Thành		5.500	5.500	
	Xã Thành Tâm		2.500	2.500	
	Xã Minh Hưng		3.000	3.000	
7	Thị xã Bình Long		2.500	2.500	
	Xã Thanh Lương		2.500	2.500	
8	Huyện Lộc Ninh		12.000	12.000	



STT	Đơn vị	Chỉ tiêu (Km)	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh vốn cuối năm 2021	Ghi chú
	Xã Lộc Hiệp		6.000	6.000	
	Xã Lộc Thái		6.000	6.000	
9	Thành phố Đồng Xoài		6.000	6.000	
	Xã Tiến Hưng		3.000	3.000	
	Xã Tân Thành		3.000	3.000	
10	Thị xã Phước Long		3.000	3.000	
	Xã Phước Tín		3.000	3.000	



Phụ lục 3.3
Kế hoạch điều chỉnh vốn Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo cuối năm 2021
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2021		Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2021	
		Chỉ tiêu	Kinh phí	Chỉ tiêu	Kinh phí
	Tổng cộng	3.013	80.000	3.013	80.000
1	Huyện Phú Riềng	117	2.248	117	2.248
	Sửa nhà	17	510	17	510
	Xây dựng nhà vệ sinh	25	375	25	375
	Nước sinh hoạt (đào giếng)	4	60	4	60
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)	20	600	20	600
	Kéo điện (điện lưới)	5	17,5	5	17,5
	Chăn nuôi (Bò)	12	480	12	480
	Chăn nuôi (Trâu)	1	40	1	40
	Nông cụ (máy cắt cỏ)	11	55	11	55
	Nông cụ (máy cưa)	9	45	9	45
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)	11	55	11	55
	Mua xe máy	2	10	2	10
2	Huyện Bù Đốp	258	5095,5	258	5095,5
	Sửa nhà	12	360	12	360
	Xây dựng nhà vệ sinh	46	690	46	690
	Nước sinh hoạt (đào giếng)	14	210	14	210
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)	21	630	21	630
	Kéo điện (điện lưới)	9	31,5	9	32
	Kéo điện (điện mặt trời)	1	9	1	9
	Chăn nuôi (Bò)	62	2.480	62	2.480
	Chăn nuôi (Dê)	20	200	20	200
	Chăn nuôi (gà)	5	25	5	25
	Trồng trọt (điều)	1	5	1	5
	Nông cụ (máy cắt cỏ)	35	175	35	175
	Nông cụ (máy cưa)	4	20	4	20
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)	20	100	20	100
	Mua xe máy	8	160	8	160
3	Huyện Bù Gia Mập	1.467	30.266	1.467	30.266
	Hỗ trợ đất ở	21	1.050	21	1.050
	Sửa nhà	92	2.760	92	2.760
	Xây dựng nhà vệ sinh	168	2.520	168	2.520
	Nước sinh hoạt (đào giếng)	55	825	55	825
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)	191	5.730	191	5.730
	Kéo điện (điện lưới)	168	588	168	588
	Kéo điện (điện mặt trời)	12	108	12	108
	Chăn nuôi (Bò)	293	11.720	293	11.720
	Chăn nuôi (Trâu)	49	1.960	49	1.960
	Chăn nuôi (Dê)	11	440	11	440
	Chăn nuôi (Heo)	13	520	13	520
	Nông cụ (máy cắt cỏ)	197	985	197	985
	Nông cụ (máy cưa)	28	140	28	140
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)	164	820	164	820
	Mua xe máy	5	100	5	100

STT	Đơn vị	Kế hoạch điều chỉnh giữa năm 2021		Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2021	
		Chỉ tiêu	Kinh phí	Chỉ tiêu	Kinh phí
4	Huyện Hớn Quản	152	3.500	152	3.500
	Sửa nhà	24	720	24	720
	Xây dựng nhà vệ sinh	36	540	36	540
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)	26	780	26	780
	Kéo điện (điện lưới)	10	35	10	35
	Chăn nuôi (Bò)	26	1.040	26	1040
	Chăn nuôi (Trâu)	2	80	2	80
	Nông cụ (máy cắt cỏ)	9	45	9	45
	Nông cụ (máy cưa)	6	30	6	30
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)	2	10	2	10
	Mua xe máy	11	220	11	220
5	Huyện Bù Đăng	659	15.323	659	15.323
	Hỗ trợ đất ở	9	450	9	450
	Sửa nhà	60	1.800	60	1800
	Xây dựng nhà vệ sinh	119	1.721	119	1721
	Nước sinh hoạt (đào giếng)	20	300	20	300
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)	107	3.210	107	3210
	Kéo điện (điện lưới)	41	143,5	41	143,5
	Kéo điện (điện mặt trời)	7	63	7	63
	Chăn nuôi (Bò)	161	6.440	161	6440
	Chăn nuôi (Heo)	10	400	10	400
	Chăn nuôi (Gà)	1	40	1	40
	Trồng nấm	1	20	1	20
	Nông cụ (máy cắt cỏ)	97	485	97	485
	Nông cụ (máy cưa)	5	25	5	25
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)	13	65	13	65
	Mua xe máy	8	160	8	160
6	Huyện Lộc Ninh	360	9.892	360	9.892
	Hỗ trợ đất ở	3	150	3	150
	Sửa nhà	49	1.470	49	1.470
	Xây dựng nhà vệ sinh	74	1.110	74	1.110
	Nước sinh hoạt (đào giếng)	1	15	1	15
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)	45	1.260	45	1.260
	Kéo điện (điện lưới)	38	133	38	133
	Kéo điện (điện mặt trời)	1	9	1	9
	Chăn nuôi (Bò)	141	5.640	141	5.640
	Chăn nuôi (Dê)	1	40	1	40
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)	1	5	1	5
	Mua xe máy	6	60	6	60
7	Mô hình giảm nghèo		13.676,5		13.676,5
	Thị xã Bình Long		590		590
	Huyện Đồng Phú		560		560
	Huyện Bù Đăng		2.260		2.260
	Huyện Bù Đốp		2.090		2.090
	Huyện Bù Gia Mập		3.130		3.130
	Huyện Hớn Quản		1.000		1.000
	Huyện Phú Riềng		1.170		1.170
	Huyện Lộc Ninh		2.876,5		2.876,5

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CUỐI NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Phụ lục 3.4

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn giữa năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh vốn cuối năm 2021	Chủ đầu tư
	Tổng cộng	12.642.300	58.864	41.060	
1	Dự án cơ sở hạ tầng định hướng phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (dự án suối rạt + đường phía đông nam QL14)	1.460.000	6.072	200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Đường cao tốc TP.HCM - Thủ Dầu Một - Chơn Thành		3.000	200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	120.000	528	528	UBND huyện Phú Riềng
4	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu-Thành phần tỉnh Bình Phước	673.300	2.963	1.500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Nâng cấp, mở rộng ĐT753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	655.000	2.882	1.882	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Xây dựng các đường kết nối Quốc lộ 14 với các hồ bậc thang Suối Cam	150.000	660	660	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (các tuyến đường còn lại, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước)	300.000	1.320	1.320	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Xây dựng đường kết nối các khu công nghiệp khu vực huyện Chơn Thành	200.000	880	880	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ	300.000	1.320	1.320	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
10	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	120.000	528	528	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
11	Xây dựng trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Bình Phước	80.000	352	352	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
12	Xây dựng nhà làm việc và nhà ở cho các lực lượng chức năng tại các cửa khẩu và lối mở biên giới	80.000	352	352	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
13	Xây dựng đường kết nối ngang QL13 và tuyến Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư	150.000	660	660	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
14	Xây dựng đường kết nối từ ấp dền dền thị trấn Tân Phú đi thành phố Đồng Xoài	100.000	440	440	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
15	Xây dựng đường phía tây nam huyện Đồng Phú (từ ĐT 741 vào đường Đồng Phú - Bình Dương)	220.000	968	968	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
16	Xây dựng đường tránh phía đông QL 13, đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	190.000	836	836	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
17	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chỏ qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	80.000	352	352	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
18	Nâng cấp, mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông bé (kết nối thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập) đến đường quốc lộ 14C xã Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập	75.000	532	532	UBND huyện Bù Gia Mập
19	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	110.000	484	484	UBND huyện Hớn Quản
20	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	130.000	660	660	Thị xã Bình Long
21	Xây dựng đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương thị xã Bình Long	280.000	1.232	732	Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn giữa năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh vốn cuối năm 2021	Chủ đầu tư
22	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công an tỉnh	35.000	154	154	Công an tỉnh
23	Xây dựng đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	80.000	352	352	UBND thành phố Đồng Xoài
24	Xây dựng đường vành đai thành phố Đồng Xoài từ khu Công nghiệp Đồng Xoài I đến đường Phú Riềng Đỏ	300.000	1.320	1.320	UBND thành phố Đồng Xoài
25	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	65.000	286	286	UBND thành phố Đồng Xoài
26	Xây dựng đường liên xã Phú Nghĩa đi Phú Văn	54.000	338	338	UBND huyện Bù Gia Mập
27	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	1.450.000	6.380	3.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
28	Đường từ QL14 xã Minh Thắng đi sân bay Tecnich	300.000	1.320	950	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
29	Xây dựng đường từ ngã 3 Đồng Tâm huyện Lộc Ninh đi TX Phước Long	400.000	1.760	1.760	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
30	Xây dựng đường vành đai ngoài các khu công nghiệp TP. Đồng Xoài	150.000	660	299	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
31	Xây dựng trường TH, THCS&THPT Tân Phú TP. Đồng Xoài	500.000	2.200	1.700	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
32	Mở rộng ĐT.758 từ Bình Long đến Thuận Phú và đoạn kết nối QL14	500.000	2.200	2.200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
33	Nâng cấp Trung tâm y tế thị xã Phước Long	50.000	220	220	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
34	Nâng cấp Trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	50.000	220	220	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
35	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đăk Woa huyện Bù Đăng	138.000	607	607	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
36	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1-2 kết nối QL14	450.000	2.180	1.500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
37	Xây dựng đường kết nối Đồng Xoài - Hớn Quản	800.000	3.520	2.650	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
38	Nâng cấp mở rộng ĐT.753B đoạn Lam Sơn - Đăng Hà	220.000	968	968	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
39	Dự án công viên khu hành chính tỉnh	144.000	634	634	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
40	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	150.000	660	660	Sở Y tế
41	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	60.000	264	264	Sở Thông tin và Truyền thông
42	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	446.000	1.962	1.953	Sở Thông tin và Truyền thông
43	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	400.000	1.760	1.760	Sở Giáo dục và Đào tạo
44	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	130.000	572	572	Đài PTTH và Báo Bình Phước
45	Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 thị trấn Chơn Thành đến KCN Chơn Thành	100.000	440	440	UBND huyện Chơn Thành
46	Xây dựng đường Trung tâm hành chính xã Thành Tâm nối dài	60.000	264	264	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
47	Xây dựng công trình bảo vệ và phát triển rừng tại vườn Quốc gia Bù Gia Mập	82.000	361	361	Vườn Quốc gia Bù Gia Mập
48	Đầu tư hệ thống giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn tỉnh	55.000	242	242	Công An tỉnh

Phụ lục 3.5
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẮT, GIẢM CUỐI NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2021	Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2021	Giảm	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư
	Tổng số (A+B)	2.965.387	1.465.387	1.500.000		
A	Khối tỉnh	1.918.787	891.787	1.027.000		
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1.427.554	747.154	680.400		
1	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào Becamex Bình Phước	11.700	100	11.600	Đang điều chỉnh thiết kế dự án	
2	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	30.800	800	30.000	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân	
3	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	65.000	30.600	34.400	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân	
4	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B kết nối đường Đồng Phú - Bình Dương	85.000	26.300	58.700	Đang xem xét điều chỉnh phương án tuyến	
5	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	120.300	73.600	46.700	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân	
6	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	120.000	82.000	38.000	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân	
7	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	38.800	16.300	22.500	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2021	Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2021	Giảm	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư
8	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	48.500	28.200	20.300	Không giải ngân hết số vốn được giao	
9	Xây dựng cầu nối và sân vườn bệnh viện đa khoa tỉnh	20.000	16.000	4.000	Dự án đã hoàn thành chờ quyết toán	
10	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	46.500	25.500	21.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	
11	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	30.000	14.400	15.600	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân	
12	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	30.000	21.000	9.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	
13	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	38.500	26.300	12.200	Không giải ngân hết số vốn được giao	
14	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	19.260	260	19.000	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân	
15	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bàu Nôm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Nôm)	63.000	34.000	29.000	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân	
16	Xây dựng đường Đồng Xoài - Tân Lập (vành đai phía Tây hồ suối Giai)	40.000	21.700	18.300	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân	
17	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	19.000	1.000	18.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	
18	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14C	27.800	15.800	12.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2021	Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2021	Giảm	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư
19	Xây dựng cầu dân sinh	80.000	75.000	5.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	
20	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	65.000	50.200	14.800	Không giải ngân hết số vốn được giao	
21	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	30.000	20.000	10.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	
22	GPMB xây dựng trung tâm giáo dục, đổi mới sáng tạo tỉnh	200.000		200.000	Đang hoàn thiện thủ tục dự án	
23	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	75.000	63.800	11.200	Không giải ngân hết số vốn được giao	
24	Tất toán các công trình quyết toán	64.530	63.234	1.296	Không giải ngân hết số vốn được giao	
25	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	58.864	41.060	17.804	Không giải ngân hết số vốn được giao	
II	Các chủ đầu tư khác	491.233	144.633	346.600		
1	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án BOT đường Đồng Phú Bình Dương	160.000		160.000	Chuyển sang đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước
2	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	36.000	-	36.000	Đang trình phê duyệt dự án	Sở GD&ĐT
3	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp	20.000	-	20.000	Chưa có khối lượng giải ngân	Sở Công thương
4	Hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và khu dân cư Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài	163.500	74.400	89.100	Không giải ngân hết số vốn được giao	Sở Xây dựng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2021	Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2021	Giảm	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư
5	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch	31.633	26.303	5.330	Không giải ngân hết số vốn được giao	Sở KH&ĐT
6	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng không chế truyền dẫn	15.000	5.000	10.000	Khả năng không giải ngân hết, do đang lựa chọn nhà thầu.	Đài PTTH và Báo Bình Phước
7	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	15.000	5.000	10.000	Khả năng không giải ngân hết, do đang lựa chọn nhà thầu.	Đài PTTH và Báo Bình Phước
8	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Bệnh xá K23 BCH Quân sự tỉnh	10.100	9.000	1.100	Không giải ngân hết số vốn được giao	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
9	Xây dựng, nâng cấp Trường Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	10.000	9.730	270	Không giải ngân hết số vốn được giao	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
10	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	20.000	12.000	8.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	Công an tỉnh
11	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	10.000	3.200	6.800	Không giải ngân hết số vốn được giao	Công an tỉnh
B	Khối huyện	1.046.600	573.600	473.000		
I	Thành phố Đồng Xoài	97.000	60.000	37.000		
1	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	20.000	-	20.000	Khả năng giải ngân không hết vốn do đang lựa chọn nhà thầu	UBND thành phố Đồng Xoài
2	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	50.000	45.000	5.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND thành phố Đồng Xoài
3	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đồng)	27.000	15.000	12.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND thành phố Đồng Xoài
II	Thị xã Phước Long	45.000	40.000	5.000		
1	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	45.000	40.000	5.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND thị xã Phước Long
III	Thị xã Bình Long	81.100	66.100	15.000		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2021	Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2021	Giảm	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư
1	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long	8.100	6.800	1.300	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND thị xã Bình Long
2	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	33.000	24.300	8.700	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND thị xã Bình Long
3	Xây dựng trường THPT Bình Long	40.000	35.000	5.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND thị xã Bình Long
IV	Huyện Chơn Thành	72.000	36.000	36.000		
1	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào Cụm công nghiệp và Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	72.000	36.000	36.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND huyện Chơn Thành
V	Huyện Hớn Quản	77.000	47.000	30.000		
1	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	30.000	15.000	15.000	Khả năng giải ngân không hết vốn do đang lựa chọn nhà thầu	UBND huyện Hớn Quản
2	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	27.000	22.000	5.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND huyện Hớn Quản
3	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan huyện Hớn Quản	20.000	10.000	10.000	Khả năng giải ngân không hết vốn do đang lựa chọn nhà thầu	UBND huyện Hớn Quản
VI	Huyện Đồng Phú	126.000	21.000	105.000		
1	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	40.000	5.000	35.000	Khả năng giải ngân không hết vốn do đang lựa chọn nhà thầu	UBND huyện Đồng Phú
2	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	50.000	10.000	40.000	Khả năng giải ngân không hết vốn do đang lựa chọn nhà thầu	UBND huyện Đồng Phú
3	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	36.000	6.000	30.000	Khả năng giải ngân không hết vốn do đang lựa chọn nhà thầu	UBND huyện Đồng Phú
VII	Huyện Bù Đăng	155.000	64.000	91.000		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2021	Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2021	Giảm	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư
1	Tĩnh hỗ trợ có mục tiêu xây dựng 50 phòng học	70.000	35.000	35.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND huyện Bù Đẳng
2	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	20.000	3.000	17.000	Khả năng giải ngân không hết vốn do đang lựa chọn nhà thầu	UBND huyện Bù Đẳng
3	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đẳng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	20.000	3.000	17.000	Khả năng giải ngân không hết vốn do đang lựa chọn nhà thầu	UBND huyện Bù Đẳng
4	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thống Nhất, huyện Bù Đẳng	18.000	11.000	7.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND huyện Bù Đẳng
5	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	13.500	6.000	7.500	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND huyện Bù Đẳng
6	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	13.500	6.000	7.500	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND huyện Bù Đẳng
VIII	Huyện Lộc Ninh	93.500	48.600	44.900		
1	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	80.000	42.600	37.400	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND huyện Lộc Ninh
2	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng THPT Lộc Hiệp	13.500	6.000	7.500	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND huyện Lộc Ninh
IX	Huyện Bù Đốp	158.000	106.900	51.100		
1	Tĩnh hỗ trợ có mục tiêu xây dựng 30 phòng học	28.000	21.000	7.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND huyện Bù Đốp
2	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện Cần Đơn cho cánh đồng Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	27.000	10.000	17.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND huyện Bù Đốp

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2021	Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2021	Giảm	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư
3	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	40.000	37.900	2.100	Dự án đã hoàn thành chờ quyết toán	UBND huyện Bù Đốp
4	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trảng	36.000	26.000	10.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND huyện Bù Đốp
5	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	27.000	12.000	15.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND huyện Bù Đốp
X	Huyện Bù Gia Mập	57.000	29.000	28.000		
1	Tinh hỗ trợ có mục tiêu xây dựng 30 phòng học	42.000	21.000	21.000	Khả năng giải ngân không hết vốn do đang lựa chọn nhà thầu	UBND huyện Bù Gia Mập
2	Xây dựng trường tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	15.000	8.000	7.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND huyện Bù Gia Mập
XI	Huyện Phú Riềng	85.000	55.000	30.000		
1	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	70.000	50.000	20.000	Không giải ngân hết số vốn được giao	UBND huyện Phú Riềng
2	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	15.000	5.000	10.000	Khả năng giải ngân không hết vốn do đang lựa chọn nhà thầu	UBND huyện Phú Riềng